

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

Khóa học: 2017 cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 260/QĐ-LTT-ĐT ngày 26/3/2020

Số TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Nguyễn Hoàng An	18/6/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01294	000112/17C1-2020		
2	Võ Thế Bảo	20/6/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01295	000113/17C1-2020		
3	Lâm Hà Nam	10/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01296	000114/17C1-2020		
4	Trần Xuân Tín	12/11/1999	Kiên Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01297	000115/17C1-2020		
5	Nguyễn Phúc Trọng	07/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01298	000116/17C1-2020		
6	Lê Quốc Chung	04/3/1998	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01299	000117/17C1-2020		
7	Dương Văn Cơ	27/4/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01300	000118/17C1-2020		
8	Nguyễn Minh Cường	22/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01301	000119/17C1-2020		
9	Trần Nguyễn Minh Đức	18/6/1997	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01302	000120/17C1-2020		
10	Phan Anh Duy	23/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01303	000121/17C1-2020		
11	Nguyễn Hoàn Hải	24/11/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01304	000122/17C1-2020		
12	Nguyễn Phước Hiền	05/5/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01305	000123/17C1-2020		
13	Nguyễn Anh Kiệt	25/6/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01306	000124/17C1-2020		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
14	Lê Viết	Lợi	17/12/1999	Phú Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01307	000125/17C1-2020		
15	Đặng Thành	Đạt	20/5/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01308	000126/17C1-2020		
16	Trần Trọng	Nghĩa	28/5/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01309	000127/17C1-2020		
17	Úc Vạn	Niên	04/10/1997	Bình Thuận	Nam	Chăm	Việt Nam	Điện công nghiệp	2020	Trung bình	CĐ01310	000128/17C1-2020		
18	Linh Thành	Cơ	28/11/1997	Trung Quốc	Nam	Hoa	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01311	000129/17C1-2020		
19	Bùi Việt	Lâm	14/10/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01312	000130/17C1-2020		
20	Lê Minh	Trí	22/6/1999	Bình Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01313	000131/17C1-2020		
21	Nguyễn Trung Anh	Hào	03/12/1996	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Khá	CĐ01314	000132/17C1-2020		
22	Nguyễn Trần Khai	Nguyên	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01315	000133/17C1-2020		
23	Lê Nguyễn Hoàng	Anh	01/8/1999	Thừa thiên - Huế	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01316	000134/17C1-2020		
24	Trương Ngọc	Duy	10/12/1995	Ninh Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01317	000135/17C1-2020		
25	Nguyễn Anh	Hào	21/8/1999	Bình Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01318	000136/17C1-2020		
26	Huỳnh Văn	Khăm	02/9/1998	Cà Mau	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01319	000137/17C1-2020		
27	Vương Phùng Đăng	Khoa	16/7/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01320	000138/17C1-2020		
28	Trương Minh	Thương	04/3/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2020	Trung bình	CĐ01321	000139/17C1-2020		
29	Lê Minh	Quốc	03/11/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Việt Nam	Cơ điện tử	2020	Khá	CĐ01322	000140/17C1-2020		

Số TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
30	Phạm Dư Viên	16/10/1993	Lâm Đồng	Nam	Kinh	Việt Nam	Cơ điện tử	2020	Trung bình	CD01323	000141/17C1-2020		
31	Nguyễn Duy Thái	20/8/1999	Trà Vinh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	2020	Trung bình	CD01324	000142/17C1-2020		
32	Nguyễn Ngọc Phúc	12/4/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	Việt Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2020	Trung bình	CD01325	000143/17C1-2020		
33	Nguyễn Hùng Trung Dũng	29/4/1999	Hậu Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2020	Trung bình	CD01326	000144/17C1-2020		
34	Nguyễn Đức Chính	06/4/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2020	Trung bình	CD01327	000145/17C1-2020		
35	Nguyễn Văn Sáng	20/3/1999	Ninh Thuận	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2020	Trung bình	CD01328	000146/17C1-2020		
36	Bùi Duy Tân	09/12/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	2020	Trung bình	CD01329	000147/17C1-2020		
37	Nguyễn Thế Anh	08/3/1991	Bến Tre	Nam	Kinh	Việt Nam	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	2020	Trung bình	CD01330	000148/17C1-2020		
38	Võ Đăng Khang	14/9/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2020	Trung bình	CD01331	000149/17C1-2020		
39	Nguyễn Văn Nhứt	25/3/1999	Tây Ninh	Nam	Kinh	Việt Nam	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2020	Trung bình	CD01332	000150/17C1-2020		
40	Tôn Minh Quốc	20/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2020	Trung bình	CD01333	000151/17C1-2020		
41	Trần Hoàng Thái	03/12/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2020	Trung bình	CD01334	000152/17C1-2020		
42	Nguyễn Trương Hồng Thiên	08/10/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	Việt Nam	Bảo trì hệ thống thiết bị công nghiệp	2020	Trung bình	CD01335	000153/17C1-2020		
43	Bùi Minh Thuận	24/4/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01336	000154/17C1-2020		
44	Vô Trí Hoài	09/8/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01337	000155/17C1-2020		
45	Lê Minh Phương	18/02/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01338	000156/17C1-2020		

Số TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghe đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
46	Nguyễn Hữu Trí	10/6/1999	Bình Thuận	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01339	000157/17C1-2020		
47	Son Minh Phúc	18/02/1999	Sóc Trăng	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01340	000158/17C1-2020		
48	Tô Thành Trung	16/6/1999	Bến Tre	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01341	000159/17C1-2020		
49	Lê Chí Dương	03/3/1998	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01342	000160/17C1-2020		
50	Nguyễn Văn Phước	30/6/1998	Vĩnh Long	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01343	000161/17C1-2020		
51	Nguyễn Chí Thành	14/5/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01344	000162/17C1-2020		
52	Ngô Minh Tú	17/10/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	2020	Trung bình	CD01345	000163/17C1-2020		
53	Đỗ Văn Minh	18/3/1998	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Việt Nam	Cắt gọt kim loại	2020	Trung bình	CD01346	000164/17C1-2020		
54	Đỗ Đăng Khang	01/9/1999	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ chế tạo máy	2020	Trung bình	CD01347	000165/17C1-2020		
55	Khổng Trần Anh Thiện	19/12/1998	Bình Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ chế tạo máy	2020	Trung bình	CD01348	000166/17C1-2020		
56	Nguyễn Anh Tiên	03/6/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ chế tạo máy	2020	Trung bình	CD01349	000167/17C1-2020		
57	Hồ Anh Việt	29/5/1998	Đắk Nông	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ chế tạo máy	2020	Trung bình	CD01350	000168/17C1-2020		
58	Nguyễn Hoài Nam	07/02/1998	Bạc Liêu	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01351	000169/17C1-2020		
59	Nguyễn Việt Thái	16/8/1998	Bạc Liêu	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01352	000170/17C1-2020		
60	Vũ Thành Đức	28/01/1999	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01353	000171/17C1-2020		
61	Nguyễn Nhựt Bản	27/11/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01354	000172/17C1-2020		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/nghề đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
62	Nguyễn Thành	Dư	27/3/1999	Đồng Tháp	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01355	000173/17C1-2020		
63	Phan Việt	Hùng	07/10/1998	Bình Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01356	000174/17C1-2020		
64	Phạm Đức	Huy	16/4/1999	Tiền Giang	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01357	000175/17C1-2020		
65	Bùi Long	Khánh	23/3/1999	Bình Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01358	000176/17C1-2020		
66	Trần Minh	Khoa	21/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01359	000177/17C1-2020		
67	Nguyễn Ngọc	Ngà	03/3/1999	Đồng Nai	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01360	000178/17C1-2020		
68	Nguyễn Hải	Son	29/11/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01361	000179/17C1-2020		
69	Trần Ngọc	Son	17/10/1999	Hung Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01362	000180/17C1-2020		
70	Nguyễn Văn	Tiến	24/6/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01363	000181/17C1-2020		
71	Trần Thông	Trí	22/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Hoa	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01364	000182/17C1-2020		
72	Huỳnh Văn	Trung	27/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01365	000183/17C1-2020		
73	Phùng Tấn	Hung	01/10/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01366	000184/17C1-2020		
74	Đàm Thanh	Hải	27/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01367	000185/17C1-2020		
75	Nguyễn Hồng Trung	Nguyễn	16/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01368	000186/17C1-2020		
76	Trần Lê Minh	Triều	27/12/1999	Long An	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ ô tô	2020	Trung bình	CD01369	000187/17C1-2020		
77	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Châu	17/12/1999	Long An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Công nghệ may	2020	Trung bình	CD01370	000188/17C1-2020		

Số TT	Họ và tên người học		Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
78	Phạm Thị Hồng	Nhi	18/4/1999	Long An	Nữ	Kinh	Việt Nam	Công nghệ may	2020	Khá	CD01371	000189/17C1-2020		
79	Phan Thị	Thêm	08/02/1999	Phú Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	Công nghệ may	2020	Trung bình	CD01372	000190/17C1-2020		
80	Trần Thanh	Tài	27/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	An ninh mạng	2020	Trung bình	CD01373	000191/17C1-2020		
81	Đặng Hoài	Bảo	06/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2020	Trung bình	CD01374	000192/17C1-2020		
82	Đỗ Thanh	Duy	17/9/1998	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2020	Trung bình	CD01375	000193/17C1-2020		
83	Đoàn Lê Xuân	Hải	19/10/1999	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2020	Trung bình	CD01376	000194/17C1-2020		
84	Nguyễn Quang	Lâm	20/10/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2020	Trung bình	CD01377	000195/17C1-2020		
85	Nguyễn Tấn	Luyến	20/8/1999	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2020	Trung bình	CD01378	000196/17C1-2020		
86	Phan Hữu	Thắng	06/6/1999	Quảng Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	Công nghệ kỹ thuật máy tính	2020	Trung bình	CD01379	000197/17C1-2020		
87	Nguyễn Gia	Bảo	25/12/1998	Phú Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	Lập trình máy tính	2020	Trung bình	CD01380	000198/17C1-2020		
88	Lê Trường	Giang	03/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Lập trình máy tính	2020	Trung bình	CD01381	000199/17C1-2020		
89	Bùi Đặng	Tân	20/4/1999	Gia Lai	Nam	Kinh	Việt Nam	Lập trình máy tính	2020	Trung bình	CD01382	000200/17C1-2020		
90	Đặng Nhật	Duy	05/12/1999	Bình Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị mạng máy tính	2020	Trung bình	CD01383	000201/17C1-2020		
91	Lê	Linh	21/4/1998	Bình Thuận	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản trị mạng máy tính	2020	Trung bình	CD01384	000202/17C1-2020		
92	Trang Tường	Thạch	07/8/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2020	Trung bình	CD01385	000203/17C1-2020		
93	Trần Thu	Thảo	01/01/1999	Sóc Trăng	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2020	Trung bình	CD01386	000204/17C1-2020		

Số TT	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Quê quán	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành/ngành đào tạo	Năm tốt nghiệp	Xếp loại Tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
94	Nguyễn Huỳnh Tuyền	15/9/1999	Cà Mau	Nam	Kinh	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2020	Trung bình	CD01387	000205/17C1-2020		
95	Nguyễn Kim Ngân	21/7/1997	Hậu Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2020	Trung bình	CD01388	000206/17C1-2020		
96	Trần Thị Kim Thoa	10/9/1999	Đồng Tháp	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2020	Trung bình	CD01389	000207/17C1-2020		
97	Hoàng Anh Trúc	12/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ	2020	Trung bình	CD01390	000208/17C1-2020		
98	Đặng Hải Châu	29/6/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	Nam	Kinh	Việt Nam	Tiếng Anh	2020	Trung bình	CD01391	000209/17C1-2020		
99	Cao Minh Hiền	09/5/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiếng Anh	2020	Khá	CD01392	000210/17C1-2020		
100	Nguyễn Khánh Linh	23/8/1999	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiếng Anh	2020	Trung bình	CD01393	000211/17C1-2020		
101	Hoàng Vũ Phương Thanh	15/01/1997	Thừa thiên - Huế	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiếng Anh	2020	Trung bình	CD01395	000212/17C1-2020		
102	Lê Thị Thu Thảo	11/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiếng Anh	2020	Khá	CD01396	000213/17C1-2020		
103	Trần Thị Phương Thảo	25/3/1996	Thừa thiên - Huế	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tiếng Anh	2020	Trung bình	CD01397	000214/17C1-2020		

Tổng cộng danh sách có 103 sinh viên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020
HIỆU TRƯỞNG